

Ngày 09/04/2026



TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

GIỮA PHIÊN



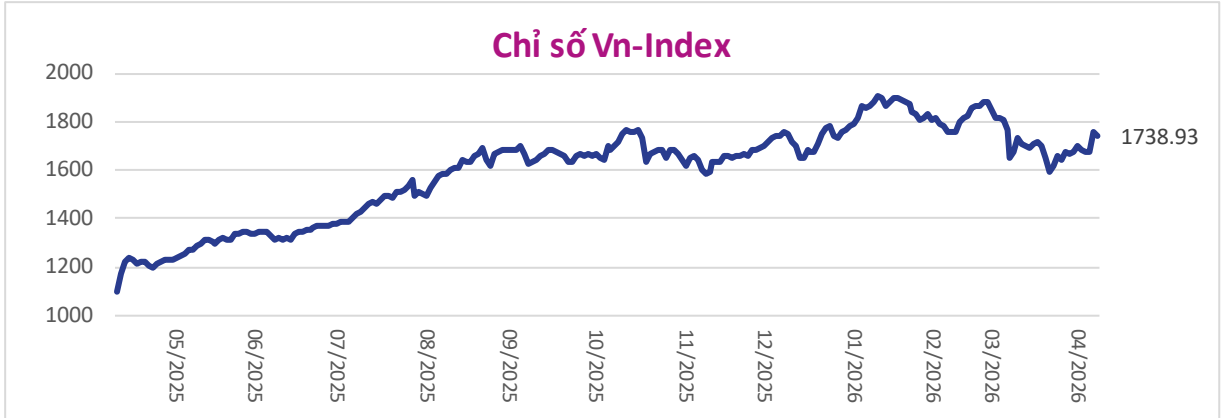
Tổng quan thị trường

(Cập nhật 11:30)

1738.93

-17.62

-1.00%

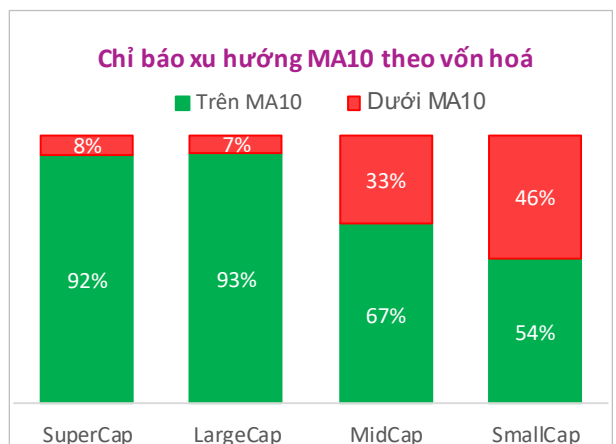


Phiên giao dịch sáng ngày 09/04/2026, chỉ số Vn-Index đang giảm điểm mạnh, tuy nhiên số lượng mã giảm đang chiếm ưu thế. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index giảm -17,62 điểm, nhưng vẫn đang vận động trên đường trung bình 10 ngày. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, một số mã cổ phiếu đang có mức giảm giá mạnh là: VCB(-1,2%), BID(-1,9%), FPT(-1,0%), CTG(-1,5%), GAS(-1,6%), VIC(-1,1%), VPB(-1,6%), VNM(-1,8%), GVR(-2,1%). Diễn biến của các chỉ báo dòng tiền cho thấy: Cả hai chỉ báo dòng tiền AccDist và OBV vẫn chưa phá vỡ xu hướng tăng.

Trong tháng 3/2026, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng cổ phiếu với tổng giá trị là -17.630 tỷ đồng. Và trong những ngày đầu tháng tháng 4/2026, khối ngoại tiếp tục bán ròng -886 tỷ đồng. Luỹ kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -32.953 tỷ đồng. Trong phiên giao dịch sáng nay, khối ngoại đang mua ròng 116 tỷ đồng.

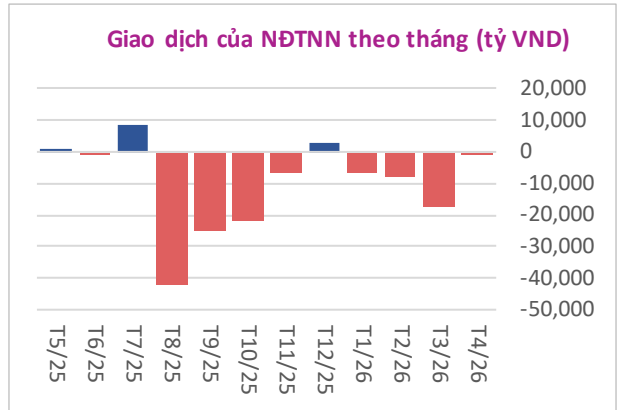
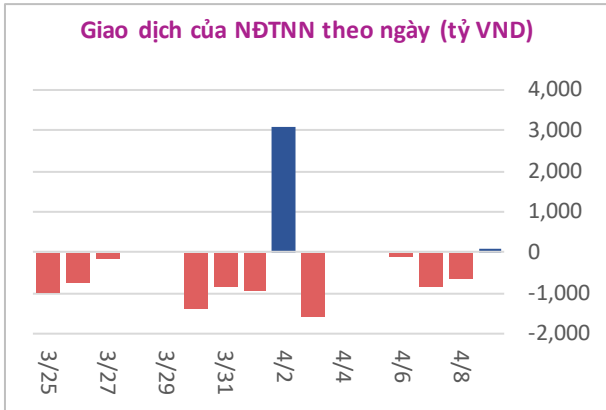
Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành		
Ngân hàng ↑	Bất động sản ↑	Chứng khoán ↑
Thép ↑	Phân bón	Công nghệ ↓
Dầu khí ↓	Khu CN ↑	Thủy sản
Bảo hiểm ↓	Xây dựng ↑	Cảng biển ↓
Mía đường	Bán lẻ ↑	Dệt may ↓

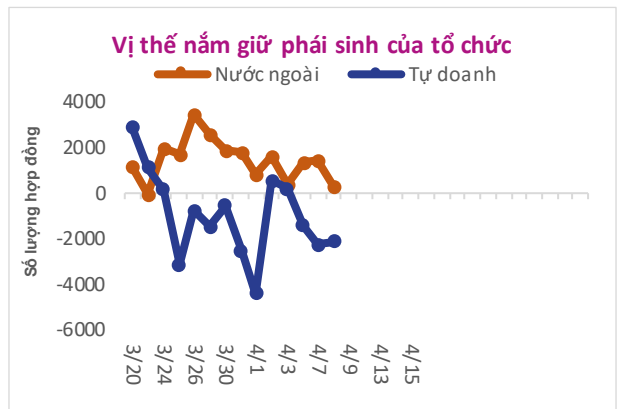
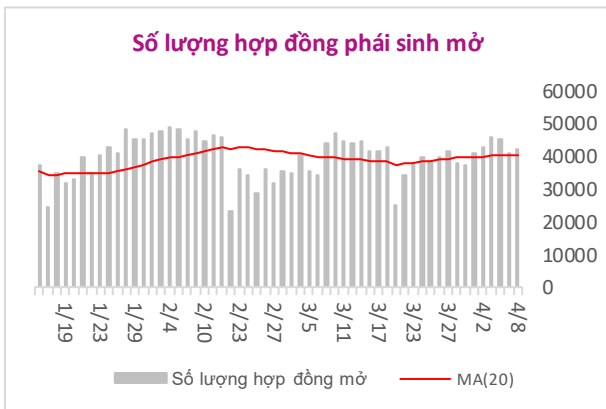


BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài

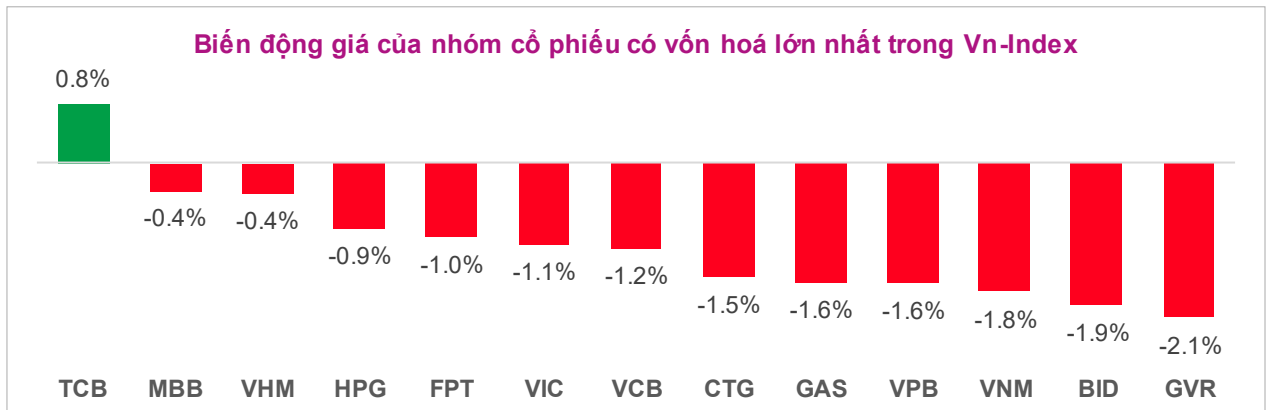


Thị trường phái sinh VN30



Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

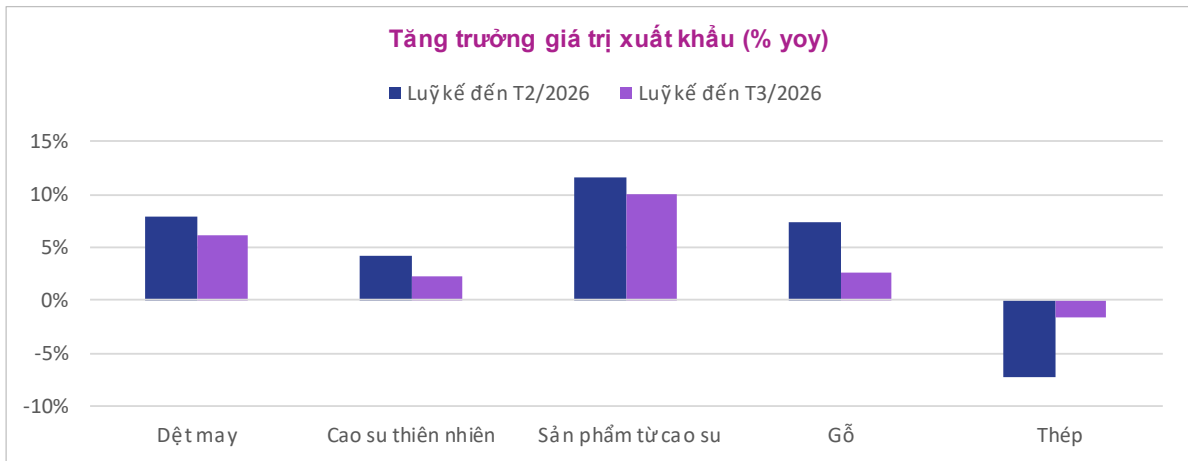
Nhóm dẫn dắt thị trường



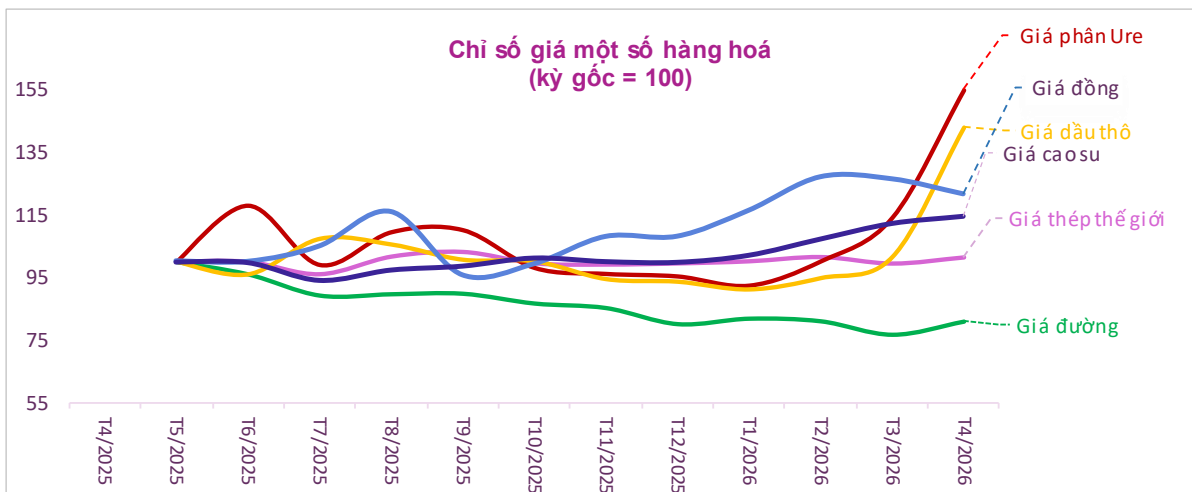
Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

Chỉ tiêu	01/2026	02/2026	03/2026	Nhận xét
Chỉ số PMI	52.5	54.3	51.2	PMI giảm so với tháng trước, nhưng vẫn duy trì trên 50 điểm, cho thấy sản xuất vẫn được mở rộng
Sản xuất công nghiệp (YoY)	21.5%	1.0%	6.9%	Tăng trưởng tăng mạnh so với tháng trước.
Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY)	9.3%	8.5%	12.1%	Tiêu dùng trong nước tăng trưởng tích cực.
Kim ngạch xuất khẩu (YoY)	29.7%	5.8%	20.1%	Xuất khẩu tăng mạnh
Kim ngạch nhập khẩu (YoY)	49.2%	4.4%	27.8%	Nhập khẩu tăng mạnh
Tỷ lệ lạm phát (YoY)	2.5%	3.4%	4.7%	Lạm phát tăng trên 4,5%, dấu hiệu đáng lo ngại
Tỷ giá VCB USD/VND (MoM)	0.1%	-0.6%	0.5%	Tỷ giá vẫn đang bình ổn

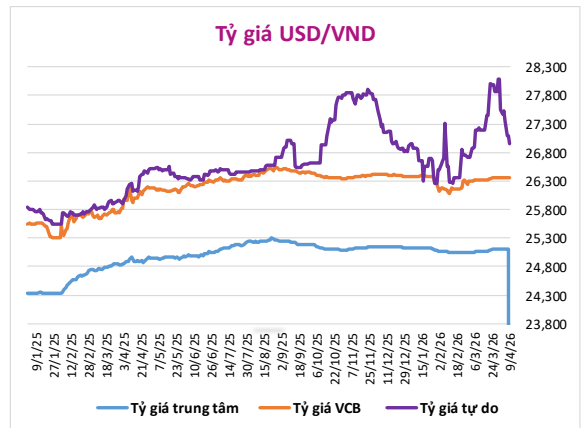
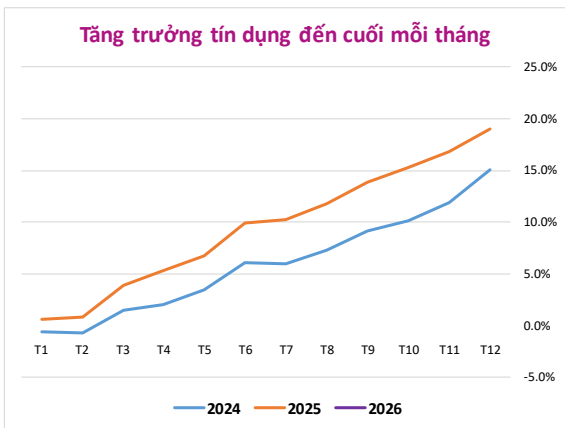
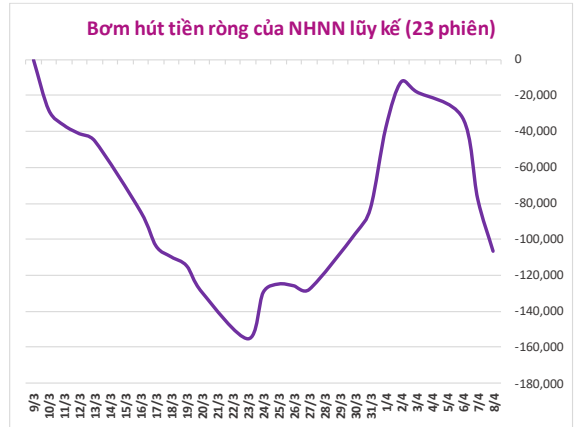
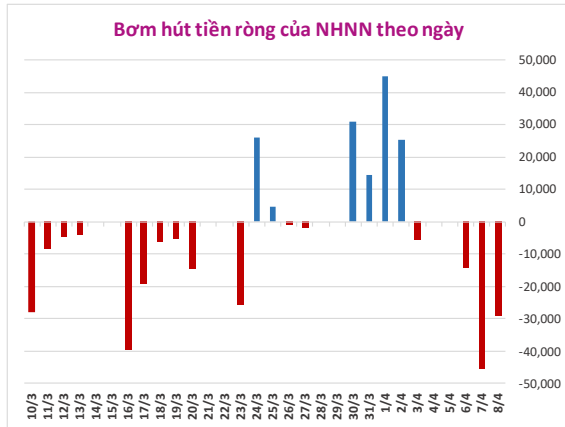
Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng



Diễn biến giá một số loại hàng hoá



Chính sách tiền tệ



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Danh mục theo dõi trung hạn

STT	Mã	Ngành	Chỉ số cơ bản				Chỉ số định giá				Giá thị trường (09/4/2026)		
			% LNST Q3/25 (YoY)	% LNST Q4/25 (YoY)	Biên lợi nhuận ròng Q3/25	Biên lợi nhuận ròng Q4/25	ROE Chỉ số (TTM) Năm: 2025 (TTM)	ROA Chỉ số (TTM) Năm: 2025 (TTM)	Book Value	EPS		P/B	P/E
1	ACB	Ngân hàng	10.6%	-38.7%	51.1%	33.9%	17.6%	1.7%	18,401	3,042	1.30	7.8	23,81
2	ANV	Thủy sản	915.5%	4610.8%	14.2%	11.9%	31.6%	18.7%	13,226	3,748	1.85	6.5	24,41
3	BFC	Phân bón	14.0%	-29.9%	3.6%	2.8%	19.3%	8.6%	29,657	7,003	1.89	8.0	56,00
4	BID	Ngân hàng	16.7%	45.3%	28.8%	38.2%	18.8%	1.0%	24,726	4,342	1.64	9.4	40,61
5	BMP	VLXD	21.0%	13.2%	22.9%	20.3%	44.0%	37.4%	35,151	15,010	3.71	8.7	130,41
6	BSR	Đầu khí	175.1%	3739.7%	2.6%	8.1%	8.9%	6.0%	12,079	1,036	2.09	24.4	25,30
7	CSV	Hóa chất	-23.7%	-25.2%	11.8%	6.4%	13.2%	10.7%	14,675	2,075	1.87	13.3	27,50
8	CTD	Xây dựng	217.2%	117.8%	4.0%	2.3%	8.6%	2.5%	90,563	7,540	0.90	10.8	81,50
9	CTG	Ngân hàng	63.9%	12.3%	37.8%	47.4%	21.1%	1.3%	23,129	4,488	1.51	7.8	34,91
10	CTR	Xây dựng	15.5%	8.8%	4.3%	4.1%	30.5%	7.8%	18,086	5,242	4.73	16.3	85,60
11	DCM	Phân bón	171.9%	16.6%	11.0%	10.3%	18.7%	11.7%	20,390	3,706	2.20	12.1	44,91
12	DGC	Hóa chất	9.0%	-16.3%	28.6%	24.0%	20.8%	17.1%	40,566	8,397	1.32	6.4	53,60
13	DGW	Bán lẻ	39.2%	10.3%	2.3%	2.0%	16.9%	5.5%	15,690	2,508	2.95	18.4	46,21
14	DHA	Khai thác đá	111.3%	146.3%	32.8%	18.4%	24.0%	21.7%	32,319	7,258	1.41	6.3	45,41
15	DIG	Bất động sản	1621.1%	388.9%	14.4%	14.3%	7.2%	3.4%	12,592	783	1.17	18.8	14,70
16	DPM	Phân bón	259.1%	1594.8%	6.4%	6.8%	9.5%	6.3%	16,960	1,611	1.68	17.7	28,51
17	DRC	Lốp xe	-12.7%	-33.1%	3.3%	3.3%	6.3%	2.9%	12,574	785	1.07	17.1	13,40
18	DXG	Bất động sản	123.8%	-69.7%	15.3%	4.4%	1.3%	0.7%	18,725	523	0.81	29.17	15,21
19	EIB	Ngân hàng	-38.3%	-132.9%	26.6%	-25.6%	4.4%	0.4%	13,916	608	1.63	37.31	22,70
20	FOX	Viễn thông	26.2%	22.8%	18.4%	17.3%	31.2%	13.7%	15,202	4,719	5.38	17.33	81,80
21	FPT	Phần mềm	17.1%	19.5%	16.9%	14.8%	23.6%	11.7%	25,683	6,590	3.05	11.88	78,30
22	FRT	Bán lẻ	60.7%	160.2%	2.0%	2.3%	21.9%	4.0%	30,176	5,779	4.99	26.06	150,60
23	GAS	Đầu khí	1.3%	-32.4%	7.3%	3.2%	17.7%	13.0%	28,038	4,796	2.80	16.39	78,60
24	GEE	Thiết bị điện	321.4%	-13.9%	27.8%	7.7%	42.3%	22.2%	22,900	9,294	8.44	20.80	193,30
25	GEG	Điện	267.5%	676.3%	11.9%	16.3%	11.5%	4.6%	15,665	2,282	0.97	6.66	15,20
26	GEX	Thiết bị điện	163.0%	-41.4%	7.9%	5.1%	5.5%	2.3%	33,438	3,336	1.18	11.79	39,30
27	GMD	Dịch vụ kho bãi	-3.6%	76.4%	27.7%	40.9%	11.7%	8.9%	34,842	5,162	2.11	14.22	73,40
28	HAG	Nông nghiệp	23.1%	345.5%	22.8%	50.7%	18.1%	8.6%	11,191	1,762	1.45	9.19	16,20
29	HDG	Bất động sản	85.0%	482.5%	47.2%	42.2%	9.0%	4.9%	22,644	2,570	1.25	11.03	28,30
30	HHV	Xây dựng	23.3%	58.1%	16.7%	16.7%	5.1%	1.5%	24,481	1,364	0.50	9.05	12,30
31	HPG	Thép	32.8%	38.4%	11.0%	8.4%	12.6%	6.4%	17,096	2,021	1.62	13.73	27,70
32	HT1	Xi măng	278.5%	413.6%	4.6%	4.3%	5.5%	3.5%	13,336	718	1.12	20.76	14,90
33	HUT	Sản xuất ô tô	1239.8%	-72.8%	5.3%	0.4%	2.7%	1.0%	18,453	606	0.92	27.87	16,90
34	IDI	Thủy sản	99.1%	147.1%	2.1%	2.6%	3.6%	1.3%	13,319	525	0.50	12.78	6,70
35	KBC	Bất động sản	54.8%	2477.5%	23.2%	40.3%	9.1%	3.8%	28,399	2,365	1.20	14.36	33,90
36	KDC	Nguyên liệu chế biến	210.2%	3508.2%	2.7%	18.7%	7.0%	3.8%	26,700	2,080	1.81	23.29	48,40
37	KDH	Bất động sản	692.5%	101.7%	47.9%	43.7%	5.2%	3.2%	18,865	1,456	1.39	18.07	26,30
38	LCG	Xây dựng	9.6%	130.2%	7.1%	4.7%	5.7%	2.2%	13,112	723	0.76	13.82	9,90
39	LSS	Đường	-32.8%	52.9%	4.0%	4.3%	6.6%	3.6%	21,145	1,432	0.40	5.86	8,40
40	MCH	Nguyên liệu chế biến	-18.9%	-11.1%	22.6%	22.7%	44.5%	21.6%	17,480	6,336	7.95	21.94	139,00

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

Danh mục theo dõi trung hạn

STT	Mã	Ngành	Chỉ số cơ bản				Chỉ số định giá				Giá thị trường (09/4/26)		
			% LNST Q3/25 (YoY)	% LNST Q4/25 (YoY)	Biên lợi nhuận ròng Q3/25	Biên lợi nhuận ròng Q4/25	ROE Chỉ số (TTM) Năm: 2025 (TTM)	ROA Chỉ số (TTM) Năm: 2025 (TTM)	Book Value	EPS		P/B	P/E
41	MML	Thực Phẩm	419.5%	79.6%	4.3%	6.3%	11.6%	5.0%	15,282	1,819	2.07	17.4	31,600
42	MSH	Hàng May mặc	54.2%	17.4%	12.2%	14.6%	28.7%	13.3%	19,626	5,962	1.88	6.2	36,950
43	MSN	Thực phẩm	43.4%	48.4%	8.8%	9.9%	9.6%	3.0%	29,647	4,448	2.64	17.6	78,200
44	MSR	Khai khoáng	101.5%	207.9%	0.3%	9.3%	0.1%	0.0%	11,076	10	4.16	4,489.7	46,100
45	MWG	Bán lẻ	121.4%	144.9%	4.5%	4.9%	23.0%	9.1%	22,575	4,814	3.58	16.8	80,800
46	NAF	Nước trái cây	55.8%	26.3%	7.0%	7.6%	16.5%	6.7%	11,491	2,140	4.17	22.4	47,950
47	NLG	Bất động sản	679.5%	-62.1%	12.5%	29.6%	4.8%	2.5%	30,559	1,951	0.97	15.3	29,750
48	NT2	Điện	383.5%	641.4%	11.1%	21.9%	25.0%	12.6%	16,880	3,926	1.53	6.6	25,750
49	NTP	VLXD	49.9%	-6.3%	16.0%	10.8%	25.1%	14.8%	24,742	5,805	2.26	9.6	55,900
50	NVL	Bất động sản	-139.1%	20703.6%	-68.5%	232.1%	3.2%	0.7%	26,366	815	0.63	20.3	16,550
51	PC1	Xây dựng	52.5%	399.5%	12.0%	13.2%	12.6%	4.6%	21,612	3,309	1.23	8.1	26,650
52	PDR	Bất động sản	67.6%	19991.3%	16.9%	86.9%	4.4%	2.0%	12,451	516	1.34	32.3	16,650
53	PLX	Đầu khí	441.0%	14.2%	0.8%	0.9%	9.2%	3.2%	22,781	2,305	1.74	17.2	39,750
54	POW	Điện	109.2%	585.3%	12.1%	7.9%	6.5%	2.8%	13,307	1,019	0.96	12.6	12,800
55	PVS	Đầu khí	73.3%	73.5%	3.5%	9.9%	11.8%	5.0%	31,694	3,722	1.19	10.2	37,800
56	QNS	Đường	-28.4%	-2.8%	14.2%	22.4%	18.6%	13.6%	28,956	5,231	1.64	9.1	47,600
57	SAB	Sản xuất bia	20.9%	13.0%	21.8%	16.4%	18.7%	13.4%	17,933	3,566	2.53	12.7	45,350
58	SBT	Đường	-13.0%	-19.2%	3.7%	2.8%	6.7%	2.2%	13,938	866	1.57	25.2	21,850
59	SHB	Ngân hàng	49.8%	8.3%	40.7%	39.0%	19.1%	1.5%	14,800	2,605	1.02	5.8	15,100
60	SIP	Bất động sản	21.7%	6.3%	17.1%	17.4%	25.3%	5.0%	24,181	6,303	2.51	9.6	60,700
61	SSI	Chứng khoán	85.8%	87.0%	35.3%	22.8%	13.9%	4.9%	15,432	1,976	1.87	14.6	28,850
62	STB	Ngân hàng	31.8%	-176.5%	33.0%	-35.8%	10.3%	0.7%	31,756	3,150	2.08	21.0	66,200
63	TCB	Ngân hàng	14.2%	104.1%	46.4%	47.2%	15.4%	2.3%	25,331	3,663	1.22	8.5	30,950
64	TCM	Hàng May mặc	-21.4%	-24.2%	7.1%	5.4%	11.4%	6.7%	21,823	2,419	1.04	9.4	22,650
65	TRC	Cao su	60.4%	-68.8%	49.0%	15.2%	13.1%	11.5%	69,312	8,669	1.04	8.3	72,100
66	VCB	Ngân hàng	5.3%	0.7%	50.0%	45.0%	16.6%	1.6%	27,231	4,213	2.18	14.1	59,500
67	VCI	Chứng khoán	95.2%	102.8%	29.1%	29.0%	8.7%	4.3%	21,186	1,579	1.33	17.8	28,150
68	VGI	Viễn thông	568.8%	4.1%	35.8%	31.2%	23.7%	12.9%	14,076	3,711	6.50	24.7	91,500
69	VGT	Hàng May mặc	56.0%	57.7%	7.1%	8.4%	9.1%	4.4%	20,090	2,666	0.61	4.6	12,200
70	VHC	Thủy sản	33.5%	-43.4%	13.1%	9.0%	14.4%	10.6%	44,495	6,465	1.35	9.3	60,000
71	VHM	Bất động sản	-50.6%	85.2%	27.0%	26.0%	17.5%	6.1%	60,356	10,282	2.03	11.9	122,500
72	VIC	Bất động sản	50.1%	196.6%	7.7%	2.2%	8.8%	1.4%	19,584	1,437	7.75	105.5	151,700
73	VIP	Vận tải	-24.9%	-77.4%	9.9%	4.6%	6.7%	6.1%	18,682	1,253	0.62	9.3	11,650
74	VIX	Chứng khoán	823.0%	1046.8%	76.0%	61.2%	28.9%	20.1%	14,010	3,533	1.27	5.1	17,850
75	VJC	Hàng không	-43.9%	43618.4%	1.9%	1.7%	10.1%	1.8%	42,005	3,589	3.94	46.1	165,500
76	VND	Chứng khoán	83.9%	36.1%	42.0%	24.0%	10.0%	4.2%	13,731	1,328	1.23	12.7	16,850
77	VNM	Sản phẩm từ sữa	4.5%	31.7%	14.8%	16.6%	26.6%	17.4%	16,499	4,504	3.73	13.7	61,500
78	VPB	Ngân hàng	76.8%	61.1%	36.6%	36.2%	14.6%	2.2%	22,722	3,070	1.19	8.8	27,150
79	VRE	Bất động sản	51.9%	145.0%	61.1%	115.0%	14.3%	11.1%	20,769	2,768	1.33	10.0	27,550
80	VTP	Chuyển phát nhanh	-20.2%	17.3%	1.7%	2.6%	24.1%	5.8%	14,519	3,348	5.10	22.1	74,100

Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX (“VIX”). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.